

Số: /KH-UBND

Gia Lai, ngày tháng 5 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Đề án “Phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp với đối tượng, địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035” trên địa bàn tỉnh Gia Lai

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Xác định cụ thể, đầy đủ, toàn diện các nhiệm vụ và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan trong việc triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Quyết định số 233/QĐ-TTg ngày 03/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp với đối tượng, địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035” và Quyết định số 188/QĐ-BĐTG ngày 01/4/2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án Phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp với đối tượng, địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035” (sau đây gọi là Đề án).

- Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan, đảm bảo ưu tiên nguồn lực tương xứng và có sự lồng ghép nguồn lực của các chương trình, đề án có liên quan để triển khai các hoạt động của Đề án có trọng tâm, trọng điểm, thường xuyên, liên tục, hiệu quả. Trong đó, chú trọng các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật (sau đây gọi là PBGDPL) hướng đến người dân ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đặc biệt ưu tiên vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, sự tham gia rộng rãi, thực chất của người dân trong thi hành pháp luật và thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo, chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Triển khai các nhiệm vụ giải pháp của kế hoạch đảm bảo thống nhất, đồng bộ với các Đề án, Chương trình PBGDPL khác.

2. Yêu cầu

- Bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, tiến độ thực hiện đã được phê duyệt tại Đề án.

- Hình thức triển khai đa dạng, sáng tạo, phù hợp với nội dung, đối tượng, địa bàn đặc thù của Đề án; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác PBGDPL.

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chịu trách nhiệm toàn diện và chủ động triển khai thực hiện Kế hoạch; tăng cường vai trò phối hợp của các sở, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan để triển khai Đề án một cách thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm, tránh chồng chéo, lãng phí.

- Xác định rõ đội ngũ hạt nhân nòng cốt và đội ngũ làm công tác PBGDPL phù hợp với nhiệm vụ của Đề án và điều kiện thực tế của từng địa phương.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đổi mới toàn diện công tác PBGDPL để tạo đột phá về nhận thức, ý thức thượng tôn Hiến pháp, pháp luật và xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật; hình thành thói quen tự giác tìm hiểu pháp luật phù hợp với đặc thù của đồng bào dân tộc thiểu số, địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; góp phần thực hiện thống nhất, đồng bộ, hiệu quả công tác dân tộc, chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo, chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; củng cố vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân tộc và lòng tin của đồng bào với Đảng và Nhà nước.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn I (từ năm 2026 đến năm 2030)

- Đào tạo, bồi dưỡng khoảng 10-15 người theo chương trình, tài liệu của Đề án để trở thành đội ngũ hạt nhân nòng cốt triển khai thực hiện công tác PBGDPL tại các địa phương.

- Phân đầu hoàn thành xây dựng, ban hành chương trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ PBGDPL đặc thù phù hợp với đồng bào dân tộc thiểu số và địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Bảo đảm nội dung PBGDPL có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với đối tượng và đặc điểm vùng miền.

- Phân đầu số hóa 70% chương trình, tài liệu PBGDPL của Đề án và công bố công khai trên Cổng thông tin PBGDPL địa phương, mạng internet hoặc được xuất bản, phát hành bằng hình thức phù hợp.

- Phân đầu mỗi xã đặc biệt khó khăn có ít nhất 02 người làm công tác PBGDPL được bồi dưỡng theo bộ chương trình, tài liệu của Đề án để triển khai công tác PBGDPL trên địa bàn.

- Khoảng 50% người dân sinh sống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; 60% người dân sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; 70% người dân thuộc nhóm dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù được PBGDPL bằng hình thức phù hợp. Trong đó, ít nhất 30% hoạt động PBGDPL được thực hiện bằng ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số, 50% hoạt động PBGDPL được thực hiện thông qua môi trường số.

b) Giai đoạn II (từ năm 2031 đến năm 2035)

- Phân đầu 100% chương trình, tài liệu PBGDPL đã ban hành được cập nhật, chỉnh lý hoặc ban hành mới.

- Phần đầu số hóa 100% chương trình, tài liệu PBGDPL và công bố công khai trên môi trường mạng hoặc được xuất bản, phát hành bằng hình thức phù hợp.

- Đào tạo, bồi dưỡng khoảng 25-30 người để làm đội ngũ hạt nhân nông cốt triển khai thực hiện công tác PBGDPL tại các địa phương.

- Phần đầu mỗi xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có ít nhất 02 người tham gia công tác PBGDPL được bồi dưỡng theo bộ chương trình, tài liệu của Đề án để triển khai công tác PBGDPL trên địa bàn.

- Phần đầu 100% đội ngũ hạt nhân nông cốt, người làm công tác PBGDPL được bồi dưỡng, tập huấn, tiếp cận và sử dụng tài liệu PBGDPL bằng hình thức phù hợp.

- Khoảng 70% người dân sinh sống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; 90% người dân sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; 90% người dân thuộc nhóm dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù được PBGDPL bằng hình thức phù hợp. Trong đó, ít nhất 50% hoạt động PBGDPL được thực hiện bằng ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số; 80% hoạt động PBGDPL được thực hiện thông qua môi trường số.

- Phần đầu 100% bí thư chi bộ, trưởng thôn, làng; người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, làng; chức sắc, chức việc tôn giáo, người đứng đầu các tổ chức tôn giáo được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ PBGDPL theo chương trình, tài liệu của Đề án.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Phạm vi

Đề án được thực hiện tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Trong đó, ưu tiên thôn, xã đặc biệt khó khăn; địa bàn còn hủ tục, tập quán lạc hậu, nhận thức pháp luật của người dân còn hạn chế. Khuyến khích các địa phương khác triển khai thực hiện công tác PBGDPL cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn.

2. Đối tượng

Đội ngũ hạt nhân nông cốt, người làm công tác PBGDPL, người làm công tác dân tộc, tôn giáo tại địa phương. Đồng bào dân tộc thiểu số, người dân sinh sống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên đồng bào dân tộc thiểu số rất ít người; các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù; người dân tộc thiểu số có đạo; học sinh, sinh viên học tập tại các cơ sở giáo dục đào tạo trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2026 đến hết năm 2035.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tổ chức quán triệt, truyền thông, phổ biến các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Đề án và kết quả triển khai thực hiện Đề án; tuyên truyền, phổ biến về vai trò, tầm quan trọng của công tác PBGDPL tại vùng đồng dân tộc thiểu số và miền núi.

a) Cơ quan chủ trì: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

b) Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, UBND các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, cơ quan, địa phương có liên quan.

c) Sản phẩm: Hội nghị, Hội thảo, tập huấn, tài liệu hướng dẫn, tuyên truyền, phóng sự, video clip, infographic, tin, bài và các sản phẩm truyền thông khác.

d) Thời gian thực hiện: Hàng năm.

2. Hướng dẫn triển khai thực hiện Đề án

a) Cơ quan chủ trì: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

b) Cơ quan phối hợp: Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh; Sở Tư pháp; các sở, ban, ngành, các cơ quan, tổ chức có liên quan và UBND các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

c) Sản phẩm: Văn bản hướng dẫn.

d) Thời gian thực hiện: Hằng năm

3. Xây dựng kế hoạch thực hiện các hoạt động của Đề án giai đoạn 2026-2035 và hằng năm đảm bảo lồng ghép thực hiện các hoạt động của Đề án trong các chương trình, kế hoạch công tác của chính quyền các cấp, cơ quan, đơn vị có liên quan; xác định kết quả triển khai thực hiện Đề án là một tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

a) Cơ quan chủ trì: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

b) Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp và các cơ quan, tổ chức có liên quan; UBND các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

c) Sản phẩm: Kế hoạch, báo cáo.

d) Thời gian thực hiện: Quý II/2026 và hằng năm.

4. Ưu tiên bố trí, lồng ghép, huy động nguồn lực triển khai thực hiện Đề án

a) Cơ quan chủ trì: Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan tổ chức lồng ghép với các chương trình, đề án có liên quan bảo đảm thiết thực, chất lượng, hiệu quả; huy động, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức đoàn thể, cộng đồng dân cư, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động PBGDPL cho các đối tượng của Đề án thông qua các chương trình phổ biến, tư vấn pháp luật, tư vấn, hỗ trợ giải quyết việc làm, sinh kế, trợ giúp pháp lý... theo quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện của từng địa phương; phát huy vai trò của gia đình, người có uy tín trong cộng đồng, các hội, nhóm tại khu dân cư trong quản lý, PBGDPL cho các đối tượng.

b) Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Dân tộc và Tôn giáo và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Sản phẩm: Quyết định, kế hoạch, báo cáo.

d) Thời gian thực hiện: Hằng năm.

5. Xây dựng đội ngũ hạt nhân nòng cốt triển khai thực hiện Đề án cấp tỉnh

- a) Cơ quan chủ trì: Sở Dân tộc và Tôn giáo.
- b) Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; UBND các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.
- c) Sản phẩm: Đội ngũ hạt nhân nòng cốt triển khai thực hiện Đề án cấp tỉnh được xây dựng.
- d) Thời gian thực hiện:
 - Giai đoạn 2026-2030: có khoảng 10-15 người.
 - Giai đoạn 2031-2035: có khoảng 25-30 người.

6. Xây dựng đội ngũ tham gia triển khai thực hiện Đề án tại cấp xã

- a) Cơ quan chủ trì: Sở Dân tộc và Tôn giáo.
- b) Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; UBND các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.
- c) Sản phẩm: Đội ngũ tham gia triển khai thực hiện Đề án tại cấp xã được xây dựng.
- d) Thời gian thực hiện:
 - Giai đoạn 2026 - 2030: mỗi xã đặc biệt khó khăn có ít nhất 02 người làm công tác PBGDPL được bồi dưỡng theo bộ chương trình, tài liệu của Đề án để triển khai công tác PBGDPL trên địa bàn.
 - Giai đoạn 2031 - 2035: mỗi xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có ít nhất 02 người làm công tác PBGDPL được bồi dưỡng theo bộ chương trình, tài liệu của Đề án để triển khai công tác PBGDPL trên địa bàn.

7. Xây dựng, số hóa, rà soát, cập nhật, bổ sung chương trình, tài liệu bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ hạt nhân nòng cốt và đội ngũ làm công tác PBGDPL

- a) Cơ quan chủ trì: Sở Dân tộc và Tôn giáo xây dựng, số hóa, rà soát, cập nhật, bổ sung chương trình, tài liệu bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ người làm công tác PBGDPL; đội ngũ công chức, viên chức làm công tác dân tộc, tôn giáo cấp tỉnh, cấp xã được giao nhiệm vụ thực hiện công tác PBGDPL; bí thư chi bộ, trưởng thôn, làng, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, làng; chức sắc, chức việc tôn giáo, người đứng đầu các tổ chức tôn giáo trên địa bàn.
- b) Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; UBND các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.
- c) Sản phẩm: Chương trình, tài liệu được ban hành, số hóa, rà soát, cập nhật, bổ sung.
- d) Thời gian thực hiện:
 - Năm 2026 - 2027: Hoàn thành việc xây dựng chương trình, tài liệu.

- Từ năm 2028 - 2035: Hằng năm thực hiện số hóa, rà soát, cập nhật, bổ sung chương trình, tài liệu.

8. Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về kiến thức pháp luật, kỹ năng, nghiệp vụ để nâng cao năng lực cho đội ngũ hạt nhân nông cốt và đội ngũ làm công tác PBGDPL

a) Cơ quan chủ trì: Sở Dân tộc và Tôn giáo quản lý, sử dụng, nâng cao năng lực cho đội ngũ hạt nhân nông cốt để triển khai công tác PBGDPL trên địa bàn; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng đối với đội ngũ người làm công tác PBGDPL; công chức, viên chức làm công tác dân tộc, tôn giáo cấp tỉnh, cấp xã được giao nhiệm vụ thực hiện công tác PBGDPL; bí thư chi bộ, trưởng thôn, làng, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, làng; chức sắc, chức việc tôn giáo, người đứng đầu các tổ chức tôn giáo trên địa bàn

b) Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; UBND các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

c) Sản phẩm: Hội nghị, lớp tập huấn, bồi dưỡng.

d) Thời gian thực hiện: Hằng năm.

9. Đổi mới nội dung, xây dựng, số hóa, rà soát, cập nhật, bổ sung chương trình, tài liệu PBGDPL phù hợp với từng nhóm đối tượng

a) Cơ quan chủ trì: Sở Dân tộc và Tôn giáo căn cứ tình hình thực tế về nhu cầu, đặc điểm của từng nhóm đối tượng và địa bàn để lựa chọn nội dung PBGDPL cho phù hợp, trọng tâm là chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước có tác động trực tiếp đến đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số, người dân sinh sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; công tác dân tộc, chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết sinh kế, việc làm, an sinh xã hội đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; lợi ích của việc chấp hành pháp luật, tuân thủ pháp luật gắn với phong tục, tập quán, văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc, gắn với giáo lý, giáo luật đối với đồng bào dân tộc thiểu số có đạo; tác động của chính sách, pháp luật đối với việc nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân...

b) Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; UBND các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

c) Sản phẩm: Chương trình, tài liệu được ban hành, số hóa, rà soát, cập nhật, bổ sung.

d) Thời gian thực hiện: Hằng năm.

10. Đổi mới phương pháp, đa dạng hóa hình thức PBGDPL phù hợp với từng nhóm đối tượng

a) Nội dung: Căn cứ vào tình hình thực tế về nhu cầu, đặc điểm của từng nhóm đối tượng để lựa chọn hình thức PBGDPL cho phù hợp, trong đó, chú trọng các hình thức:

- Xây dựng, duy trì và nhân rộng các mô hình PBGDPL tại cộng đồng hiệu quả, phù hợp với đặc thù đối tượng, địa bàn thực hiện của Đề án. Chú trọng các mô hình phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp, giáo lý, giáo luật (sống tốt đời, đẹp đạo); vai trò trung tâm của người dân, của cộng đồng; vai trò, uy tín của đội ngũ hạt nhân nòng cốt, tuyên truyền viên pháp luật, bí thư chi bộ, trưởng thôn, làng, người có uy tín trong đồng bào DTTS, chức sắc, chức việc trong các tôn giáo, người đứng đầu các tổ chức tôn giáo; vai trò của luật sư, luật gia, chuyên gia pháp lý có nhiều kinh nghiệm trong công tác PBGDPL.

- Tổ chức các đợt cao điểm huy động “Luật sư về với bản làng” nhân dịp “Ngày Pháp luật Việt Nam”, thi tìm hiểu pháp luật, phiên tòa giả định, xét xử lưu động, tập huấn, bồi dưỡng, hội nghị PBGDPL; hội thảo, tọa đàm, diễn đàn giao lưu, đối thoại, trao đổi, chia sẻ về kỹ năng, nghiệp vụ, kinh nghiệm để nhân rộng mô hình hay, cách làm hiệu quả.

- Chú trọng xây dựng các tình huống thực tế, nhân vật cụ thể, tiêu phẩm, phóng sự, bản tin, câu chuyện pháp luật gắn với đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; cảnh báo, phòng ngừa vi phạm pháp luật... trong đó, khuyến khích, ưu tiên sản xuất nội dung PBGDPL bằng tiếng dân tộc thiểu số trên sóng phát thanh, truyền hình, đăng tải trên chuyên trang, chuyên mục của báo, tạp chí, công/trang thông tin điện tử của địa phương, cơ quan, tổ chức và chia sẻ, kết nối dữ liệu với Cổng pháp luật Quốc gia, các nền tảng số, mạng xã hội (Youtube, Facebook, Zalo...).

b) Cơ quan chủ trì:

- Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Tư pháp, Báo và phát thanh, truyền hình Gia Lai, UBND các xã vùng đồng bào DTTS&MN, các cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện Đề án căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tình hình thực tế về nhu cầu, đặc điểm của từng nhóm đối tượng để lựa chọn hình thức PBGDPL cho phù hợp.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng, củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động thư viện điện tử, thư viện số, tủ sách điện tử phục vụ công tác PBGDPL, chia sẻ, kết nối dữ liệu với Cổng pháp luật Quốc gia và các nền tảng số, mạng xã hội.

- Sở Dân tộc và Tôn giáo chủ trì tổ chức dịch các quy định của pháp luật liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số sang tiếng dân tộc (gồm sách viết, sách nói, sách song ngữ Tiếng phổ thông - Tiếng dân tộc thiểu số).

c) Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; UBND các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

d) Sản phẩm: Các hoạt động được triển khai.

đ) Thời gian thực hiện: Hằng năm.

11. Huy động các lực lượng tham gia thực hiện Đề án (Bí thư chi bộ, trưởng thôn, làng; người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, làng; chức sắc, chức việc tôn giáo, người

đứng đầu các tổ chức tôn giáo; lực lượng quân đội, công an, hòa giải viên cơ sở, trợ giúp viên pháp lý; nhà giáo giảng dạy môn học pháp luật trong các cơ sở đào tạo; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, Ban công tác Mặt trận ở thôn, làng; luật sư, luật gia, chuyên gia pháp lý, doanh nghiệp, cá nhân)

a) Cơ quan chủ trì: Sở Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Đoàn Luật sư tỉnh, Hội Luật gia tỉnh.

b) Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; UBND các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

c) Sản phẩm: Báo cáo kết quả huy động, tham gia của các lực lượng trong thực hiện Đề án.

d) Thời gian thực hiện: Hằng năm.

12. Rà soát, đề xuất sửa đổi các quy định về PBGDPL để huy động nguồn lực, thu hút sự tham gia của bí thư chi bộ, trưởng Ban công tác Mặt trận, trưởng thôn, làng, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, làng; chức sắc, chức việc tôn giáo, người đứng đầu các tổ chức tôn giáo trong công tác PBGDPL.

a) Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp.

b) Cơ quan phối hợp: Sở Dân tộc và Tôn giáo và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; UBND các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

c) Sản phẩm: Đề xuất, góp ý ban hành quy định về PBGDPL được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới.

d) Thời gian thực hiện: Năm 2026, 2027.

13. Rà soát tập quán lạc hậu, hủ tục trái với quy định của pháp luật và đẩy mạnh tuyên truyền, vận động xóa bỏ

a) Cơ quan chủ trì:

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh tổ chức rà soát tập quán lạc hậu, hủ tục trái với quy định của pháp luật tại địa phương.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên, UBND cấp xã tích cực tuyên truyền, vận động xóa bỏ các tập quán lạc hậu, hủ tục trái với quy định của pháp luật để từng bước xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật.

b) Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

c) Sản phẩm: Báo cáo rà soát; các hoạt động tuyên truyền, vận động được triển khai thực hiện, các hủ tục được xóa bỏ.

d) Thời gian thực hiện: Hoàn thành Báo cáo rà soát từ năm 2026 – 2028; hằng năm triển khai các hoạt động tuyên truyền, vận động xóa bỏ.

14. Nâng cao năng lực triển khai, giám sát thực hiện Đề án

a) Cơ quan chủ trì:

Sở Dân tộc và Tôn giáo tổ chức đối thoại, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tổ chức các đoàn học tập, trao đổi kinh nghiệm và các hoạt động khác để trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ, cách làm hay, mô hình hiệu quả phù hợp với thực tiễn, đặc thù các đối tượng, địa bàn của Đề án... để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc; cung cấp thông tin, tạo điều kiện cho phóng viên các cơ quan báo chí tiếp cận địa bàn, nhân vật, tình huống thực tế phục vụ tuyên truyền, PBGDPL.

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp theo dõi, giám sát nhằm nâng cao hiệu quả triển khai thực hiện Đề án; phát huy vai trò giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp và Ban công tác Mặt trận ở thôn, làng trong theo dõi, đánh giá việc thực hiện Đề án tại cơ sở.

- c) Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.
- d) Sản phẩm: Kế hoạch và Báo cáo kết quả triển khai các hoạt động.
- e) Thời gian thực hiện: Hằng năm.

15. Tổ chức kiểm tra, sơ kết, tổng kết thực hiện Đề án

- a) Cơ quan chủ trì:

Sở Dân tộc và Tôn giáo tổ chức kiểm tra, sơ kết, tổng kết thực hiện Đề án đối với nhiệm vụ được giao; kịp thời đề xuất vinh danh, tuyên dương, khen thưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có sáng kiến, thành tích xuất sắc trong tổ chức thực hiện Đề án thuộc phạm vi quản lý.

- b) Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. UBND các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- c) Sản phẩm: Kế hoạch, báo cáo, vinh danh, khen thưởng.

- d) Thời gian thực hiện:

- Hằng năm tổ chức các Đoàn kiểm tra tình hình triển khai thực hiện Đề án tại địa phương.

- Tổ chức sơ kết thực hiện Đề án vào năm 2030.

- Tổ chức tổng kết thực hiện Đề án vào năm 2035.

16. Đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL đối với đối tượng, địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- a) Cơ quan chủ trì:

Sở Dân tộc và Tôn giáo tổ chức đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL đối với đối tượng, địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- b) Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp, cơ quan, tổ chức có liên quan.

- c) Sản phẩm: Kế hoạch, báo cáo đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL.

- d) Thời gian thực hiện:

- Năm 2026: Thực hiện đánh giá theo Tiêu chí được ban hành tại Quyết định số 1666/QĐ-TTg ngày 09/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Tiêu chí

chung đánh giá thí điểm hiệu quả công tác PBGDPL, Quyết định số 29/QĐUBDT ngày 15/01/2025 của Ủy ban Dân tộc (nay là Bộ Dân tộc và Tôn giáo) ban hành Tiêu chí đánh giá thí điểm hiệu quả công tác PBGDPL của Ủy ban Dân tộc.

- Năm 2027 - 2035: Thực hiện đánh giá theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí trong dự toán giao hàng năm cho các sở, ngành, địa phương theo phân cấp nhà nước hiện hành và các nguồn huy động hợp pháp khác (nếu có).

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ động xây dựng Kế hoạch, bố trí, sử dụng nguồn lực thực hiện Đề án, lồng ghép với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào đồng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035 và các chương trình, đề án liên quan đang triển khai thực hiện ở địa phương theo quy định của pháp luật.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Dân tộc và Tôn giáo

- Chủ trì, theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch này.

- Hàng năm, xây dựng và ban hành Kế hoạch để triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch này và hướng dẫn triển khai thực hiện công tác tuyên truyền PBGDPL do Bộ Dân tộc và Tôn giáo ban hành, đảm bảo ưu tiên bố trí, lồng ghép nguồn lực từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035 và chương trình, đề án có liên quan theo quy định và triển khai thực hiện kịp thời, tiết kiệm, hiệu quả

- Phối hợp với Sở Tư pháp, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch và các cơ quan liên quan, các địa phương tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ cụ thể của Kế hoạch.

- Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch này, sơ kết, tổng kết, báo cáo (*định kỳ hoặc đột xuất*) theo yêu cầu của Bộ Dân tộc và Tôn giáo và UBND tỉnh về kết quả thực hiện đảm bảo đầy đủ các chỉ tiêu, tiêu chí theo quy định.

2. Sở Tư pháp

- Triển khai các nhiệm vụ được giao tại mục IV kế hoạch này.

- Chỉ đạo các phòng chuyên môn và đơn vị trực thuộc phối hợp với Sở Dân tộc và Tôn giáo triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ và giải pháp của Kế hoạch.

3. Sở Tài chính

Trên cơ sở dự toán do Sở Dân tộc và Tôn giáo, các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền xem

xét, bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

4. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

Triển khai các nhiệm vụ được giao tại mục IV Kế hoạch này. Đồng thời phối hợp với đơn vị chủ trì cung cấp tài liệu, hướng dẫn các cơ quan báo chí đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông PBGDPL về công tác dân tộc, chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo, chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

5. Báo và phát thanh, truyền hình Gia Lai

Triển khai các nhiệm vụ được giao tại mục IV Kế hoạch này. Đồng thời phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông về nội dung, hoạt động của Kế hoạch.

6. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh

Phối hợp với Sở Dân tộc và Tôn giáo và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai các hoạt động tại Kế hoạch này.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị, xã hội;

Phối hợp với Sở Dân tộc và Tôn giáo và các địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số tuyên truyền, PBGDPL cho đoàn viên, hội viên và Nhân dân; vận động nhân dân tích cực tham gia học tập, tìm hiểu và chấp hành pháp luật.

Chỉ đạo, hướng dẫn hệ thống Mặt trận các cấp lồng ghép nội dung PBGDPL vào các phong trào, cuộc vận động; phát huy vai trò của Ban công tác Mặt trận ở thôn, làng trong tuyên truyền, vận động Nhân dân.

Tham gia giám sát, phản biện xã hội đối với việc tổ chức triển khai thực hiện Đề án; kịp thời kiến nghị, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện.

Huy động các nguồn lực xã hội, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc tham gia công tác PBGDPL.

8. UBND các xã, phường vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Chủ động xây dựng Kế hoạch và bố trí kinh phí phù hợp với tình hình thực tế của địa phương để thực hiện đảm bảo có hiệu quả; lồng ghép triển khai thực hiện Kế hoạch này trong các chương trình phù hợp với điều kiện của địa phương theo quy định.

- Huy động, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân sinh sống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, biên giới, địa bàn phức tạp về an ninh trật tự cùng tham gia các hoạt động PBGDPL theo Kế hoạch này. Phát huy vai trò của gia đình, người có uy tín trong cộng đồng, già làng, trưởng các thôn; nhóm vị thành niên, thanh niên, nhóm phụ nữ và nam giới là người dân tộc thiểu số, cán bộ các tổ chức chính trị - xã hội cấp thôn; đồng bào các dân tộc thiểu số.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp với đối tượng, địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035” trên địa bàn tỉnh Gia Lai, yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan phối hợp triển khai thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện nêu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh bằng văn bản về UBND tỉnh (qua Sở Dân tộc và Tôn giáo) để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Bộ Dân tộc và Tôn giáo;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Báo và PTTH Gia Lai;
- Các hội, đoàn thể của tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, C4.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Mah Tiệp